

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BGDDĐT-GDNNGD TX

V/v cập nhật kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025 và xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung về giáo dục và đào tạo trong CTMTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Quý đơn vị (danh sách kèm theo)

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 (sau đây gọi tắt là Chương trình); Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG. Để xác định nội dung đầu tư, nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, vốn sự nghiệp giai đoạn 2026-2035 bảo đảm phù hợp với thực tế, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, tính khả thi, hiệu quả nhằm thực hiện các mục tiêu của Chương trình, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Quý đơn vị:

1. Báo cáo cập nhật kết quả thực hiện các nội dung về giáo dục và đào tạo trong 03 CTMTQG giai đoạn 2021-2025 đến hết 31/12/2025 để phục vụ công tác quản lý.

*(chi tiết theo các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII kèm theo).*

2. Xây dựng kế hoạch nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2026-2035 và năm 2026 thực hiện các nội dung về giáo dục và đào tạo

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ các nội dung về giáo dục và đào tạo trong phạm vi của Chương trình (tại Phụ lục IX kèm theo và Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của Chương trình; dự thảo Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình<sup>1</sup>); Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030<sup>2</sup> và dự thảo các tiêu chí về giáo dục và đào tạo trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới (tại Phụ lục IX kèm theo) đề nghị Quý đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung về giáo dục và đào tạo trong phạm vi của Chương trình (chi tiết theo Phụ lục XI gửi kèm theo Công văn).

<sup>1</sup> Theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của Chương trình tại Tờ trình số 1099/BC-CP ngày 30/11/2025 và dự thảo Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình tại Công văn số 10922/BNNMT-VPĐP ngày 27/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi kèm theo.

<sup>2</sup> Tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

Đề xuất của Quý đơn vị đề nghị gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên) trước ngày 26/01/2026 để kịp thời tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý đơn vị<sup>3</sup>./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Tấn Dũng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Quân (để b/c);
- Sở GDĐT các địa phương;
- Lưu: VT, GDNN&GDTX.

**TL. BỘ TRƯỞNG  
CỤC TRƯỞNG  
CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP  
VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

**Trương Anh Dũng**

---

<sup>3</sup> Thông tin chi tiết liên quan đề nghị liên hệ đồng chí Nguyễn Khánh Duy, chuyên viên Phòng Tài chính - Kế toán, Cục GDNN&GDTX. Số điện thoại: 0936.787.636. Email: duykn@moet.gov.vn.

## **Phụ lục X**

# **DỰ KIẾN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CÁC NỘI DUNG VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRONG PHẠM VI CỦA CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035**

*(Kèm theo Công văn số ...../BGDDT-GDNNGD TX ngày .... tháng 01 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**A. Hợp phần thứ nhất: Các nội dung chung thực hiện trên địa bàn cả nước.**

**I. Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu.**

### **1. Mục tiêu.**

a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 02 về Hạ tầng kinh tế xã hội, nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 05 về Văn hóa, Giáo dục, Y tế, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 07 về Khoa học, công nghệ và Chuyển đổi số, nhóm tiêu chí số 08 về Môi trường và cảnh quan nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

b) Đạt yêu cầu các điều kiện số 04, 06, 11 quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

c) Đối với vùng đồng bào DTTS và MN: Xây dựng, nâng cấp, từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN, bảo đảm tính đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển, phấn đấu:

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông;
- 100% thôn có đường trục chính được cứng hoá;
- 100% thôn có đường ô tô kết nối với trung tâm xã hoặc các trục đường chính, quốc lộ, tỉnh lộ được rải nhựa hoặc bê tông bảo đảm đi lại quanh năm;
- 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp;

- 100% đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh;

- 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh;

### **2. Các Nội dung về giáo dục và đào tạo.**

- **Nội dung số 06:** Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn nông thôn theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa, đáp ứng yêu cầu học tập cơ bản. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các xã nghèo, vùng đồng bào DTTS và MN.

**II. Nội dung thành phần 04: Đào tạo nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững**

### **1. Mục tiêu.**

a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 04 về Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn, nhóm tiêu chí số 05 về Văn hóa, Giáo dục, Y tế, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

b) Đối với vùng đồng bào DTTS và MN:

- Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng dần tỷ lệ các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ; hằng năm thu hút 3% lao động sang làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ;

- Có 40% lao động người DTTS biết làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ.

### **2. Các Nội dung về giáo dục và đào tạo.**

- **Nội dung 01:** Bảo đảm tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện và học tập suốt đời cho lao động nông thôn; duy trì, nâng cao phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, giáo dục hòa nhập; phát triển lớp học thông minh, mô hình học tập cộng đồng; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và nền tảng học trực tuyến để mở rộng cơ hội học tập suốt đời, trong đó, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ, trẻ em gái, người khuyết tật và người dân sinh sống tại các xã nghèo. Tăng cường liên kết cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động để thúc đẩy việc làm và khởi nghiệp cho lao động nông thôn.

- **Nội dung 03:** Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập tham gia đào tạo nghề theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa để đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề tại chỗ, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo. Phát triển giáo dục nghề nghiệp; đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động vùng đồng bào DTTS và MN, lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị.

**B. Hợp phần thứ hai: Các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

**I. Nội dung thành phần 01: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

#### **1. Mục tiêu, đối tượng thụ hưởng**

a) Mục tiêu.

- Giải quyết căn bản tình trạng đồng bào DTTS di cư không theo kế hoạch; hoàn thành quy hoạch đất ở, cơ bản di dời, bố trí ổn định nhà ở, đất ở cho hộ đồng bào DTTS đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, vườn quốc gia, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở.

- Bảo đảm 100% các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, các xã biên giới, ATK, CT229 có nhu cầu được đầu tư các trường dân tộc nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở; có đủ cơ sở vật chất trường, lớp học để dạy và học miễn phí 2 buổi/ngày đối với toàn bộ học sinh trong độ tuổi đến trường.

- Đảm bảo 100% các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tại các xã đặc biệt khó khăn, các xã biên, ATK và trường PTDTNT, PTDTBT tại các xã CT229 được đầu tư đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- 100% tỉnh có vùng DTTS có ít nhất 01 thiết chế văn hoá đạt chuẩn phục vụ cộng đồng dân tộc;

- 100% đối tượng thụ hưởng có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định được vay vốn tín dụng chính sách xã hội.

b) Đối tượng thụ hưởng

- Người dân và các thôn, xã, tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thôn, xã, tỉnh miền núi; thôn, xã, tỉnh vùng đồng bào DTTS và MN;

- Hộ gia đình người dân tộc thiểu số, hộ gia đình người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội để sử dụng vào việc trang trải chi phí để có đất ở, chi phí xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở.

- Các cơ sở giáo dục, văn hóa, y tế, an ninh, quốc phòng; các đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan nằm trong và ngoài các địa bàn: thôn, xã, tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thôn, xã, tỉnh miền núi; thôn, xã, tỉnh vùng đồng bào DTTS và MN; các xã khu vực biên giới, ATK, CT229; các xã, thôn thuộc địa bàn chiến lược về quốc phòng an ninh.

## **2. Các Nội dung về giáo dục và đào tạo.**

- **Nội dung số 01:** Công trình giáo dục:

+ Đầu tư xây dựng mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông tại các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, các xã biên giới, ATK và trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú (đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn và phòng công vụ cho giáo viên);

+ Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường mầm non, các trường phổ thông, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên; ưu tiên đầu tư các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp dân tộc nội trú, gồm: đầu tư xây dựng, đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên; nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất phối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp công trình phụ trợ khác; đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục, phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh DTTS; mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ đào tạo, trong đó ưu tiên cho địa bàn các xã, thôn khu vực biên giới, ATK, địa bàn chiến lược về an ninh, quốc phòng, những nơi có đồng đồng bào DTTS sinh sống.

+ Củng cố, tăng cường cơ sở vật chất nhằm tăng cường năng lực thực hiện nhiệm vụ của các trường dự bị đại học, các cơ sở giáo dục đại học có nhiều dân tộc thiểu số.

+ Đầu tư mới, đầu tư cải tạo, nâng cấp và kiên cố hóa các trường, lớp học, sân chơi cho học sinh phổ thông, nhà công vụ cho giáo viên, nhà ở bán trú, bếp ăn cho học sinh và các công trình phụ trợ khác ở khu vực đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù sinh sống.

- **Nội dung số 04:** Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc

+ Đầu tư xây dựng mới, đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình phục vụ học tập, sinh hoạt cho giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên (nhà ký túc xá, nhà hiệu bộ, trạm y tế học sinh, sinh viên dân tộc nội trú, nhà thí nghiệm thực hành, nhà thư viện tổng hợp, nhà đa chức năng, giảng đường, nhà công vụ cán bộ giáo viên, giảng viên nội trú, sân vận động, bể bơi, công trình thể thao, phòng công vụ giáo viên, giảng viên, nhà ăn, nhà bếp, phòng quản lý học sinh, sinh viên nội trú, công trình vệ sinh, nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc; cải tạo, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng);

+ Đầu tư trang thiết bị hỗ trợ hoạt động giảng dạy, học tập (thiết bị, dụng cụ phục vụ chuyển đổi số và áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập, các thiết bị thực hành, thí nghiệm; hệ thống máy tính, máy chiếu; thiết bị phục vụ giảng dạy tin học, ngoại ngữ, y, dược; dụng cụ giáo dục thể chất và các trang thiết bị khác phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập); trang thiết bị phục vụ cho sinh hoạt nội trú của học sinh, sinh viên, phục vụ cho khôi hành chính, phục vụ cho phòng họp, phòng cho giáo viên, giảng viên, nhà ăn, nhà bếp, nhà đa chức năng và các trang thiết bị khác phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy, học tập, sinh hoạt theo quy định.

+ Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị hỗ trợ hoạt động giảng dạy, học tập, sinh hoạt cho các đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc.

## **II. Nội dung thành phần 03: Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

### **1. Mục tiêu, đối tượng thụ hưởng**

#### a) Mục tiêu, chỉ tiêu

- Nâng cao tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS và đặc thù vùng đồng bào DTTS và MN;

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, nhất là các DTTS tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương.

- Hỗ trợ chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển KT-XH gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng vùng đồng bào DTTS và MN.

#### b) Đối tượng thụ hưởng:

- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số, cá nhân thuộc hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại các thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực II, khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng bộ đội, công an nhân dân đóng quân, công tác trên địa bàn vùng đồng bào DTTS và MN;

- Đội ngũ bác sỹ, y sỹ, người làm công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân;

- Già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

### **2. Các Nội dung về giáo dục và đào tạo.**

- **Nội dung số 01:** Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- + Hỗ trợ nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú.
- + Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS và MN.
- + Hỗ trợ xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

## DANH SÁCH GỬI CÔNG VĂN

<b>TT</b>	<b>Tên bộ, ngành, địa phương</b>
<b>I</b>	<b>Bộ, ngành</b>
1	Bộ Quốc phòng
2	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	Bộ Xây dựng
4	Bộ Y tế
5	Bộ Công Thương
6	Bộ Văn hóa, TT và DL
7	Liên minh Hợp tác xã VN
8	Tổng Liên đoàn LĐVN
<b>II</b>	<b>UBND tỉnh và Sở GDĐT các địa phương</b>
1	Tuyên Quang
2	Cao Bằng
3	Lạng Sơn
4	Lào Cai
5	Thái Nguyên
6	Phú Thọ
7	Sơn La
8	Lai Châu
9	Điện Biên
10	Hà Nội
11	Bắc Ninh
12	Hải Phòng
13	Quảng Ninh
14	Hưng Yên
15	Ninh Bình
16	Thanh Hoá
17	Nghệ An
18	Hà Tĩnh
19	Quảng Trị
20	Huế
21	Đà Nẵng
22	Quảng Ngãi
23	Gia Lai
24	Đắk Lắk
25	Khánh Hoà
26	Lâm Đồng
27	Thành phố Hồ Chí Minh
28	Đồng Nai
29	Tây Ninh
30	Đồng Tháp
31	Vĩnh Long
32	An Giang



<b>TT</b>	<b>Tên bộ, ngành, địa phương</b>
33	Cần Thơ
34	Cà Mau